

Bản án số: 15/2022/HS-ST

Ngày: 20 -6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chung Nguyễn Hữu Thiện

Bà Lương Thị Diệu

Ông Thạch Lực

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 2 năm 2022 đối với:

- Bị cáo:

Cao Văn L, sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Phước, giới tính: Nam, nơi cư trú: Khu phố 6, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 12/12, nghề nghiệp: Làm thuê, con ông Cao Xuân S, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1962, có vợ là tên Cao Thị Ph, sinh năm 1990, tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2019 đến ngày 24/4/2019 được Viện kiểm sát nhân dân thị xã B Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cho gia đình bảo lãnh. Ngày 05/02/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H bắt tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư: **Hoàng Minh Quang** (thuộc Văn phòng Luật sư Hoàng Minh Bình Phước, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước) có mặt

Địa chỉ: số 416 quốc lộ 14, khu phố Phú Thanh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Người bị hại

1. Chị **Giang Thị Ngọc H**, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố H, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước

2. Anh **Nguyễn Việt D**, sinh năm 1983 vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước

3. Anh **Võ Anh V**, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã b, huyện P, tỉnh Bình Phước

4. Anh **Lê Ngọc Đ**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước

5. Anh **Lê Quốc B**, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

6. Anh **Bùi Thế D**, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Xa Cam, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước

7. Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã Đồng Nơ, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ông **Cao Xuân S**, sinh năm 1965 (có mặt)

2. Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp 6 thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

3. Chị **Vũ Thị Thảo Ng**, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

4. Anh **Phạm Minh Ng**, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước

5. Anh **Hoàng Hồng Q**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

6. Bà **Lã Thị Kiều L**, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước

7. Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

8. Chị **Bùi Thị Tường V**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

9. Anh **Huỳnh Hùng D**– Công chứng viên Văn phòng công chứng Huỳnh Hùng D (có đơn xin xét xử vắng mặt)

10. Anh **Đặng Văn M** - Chuyên viên Văn phòng công chứng Huỳnh Hùng D (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 156 Nguyễn Huệ, khu phố P, phường Đ, thị xã B, tỉnh Bình Phước

11. Anh **Nguyễn Quý H** - Công chứng viên Văn phòng công chứng Vũ Thị L (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 53 Nguyễn Huệ, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước

12. Chị **Trần Thị L** - Công chứng viên Văn phòng công chứng G (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 322 quốc lộ 14, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước

13. Anh **Vũ Đức Th** - Chuyên viên Văn phòng công chứng Huỳnh Thanh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 8 năm 2018, Cao Văn L tham gia đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá thắng thua bằng tiền trên trang mạng xã hội “12.bet”. Do thua cá độ nên phải vay tiền của nhiều người dẫn đến không có khả năng chi trả. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân L đã sử dụng tài khoản zalo và facebook “Cao L” để nhắn tin với các tài khoản Zalo “Dịch Vụ Giấy Tờ”, “Trung Tâm Làm Sổ” và tài khoản facebook “T” của Trương Quốc D để thuê làm giả 08 loại giấy tờ, gồm: 04 Giấy chứng nhận đăng ký (GCNĐK) xe ô tô số 005337 của xe ô tô biển kiểm soát 93A – 020.60; 02 GCNĐK xe mô tô, xe máy số 021290 của xe mô tô biển kiểm sát 93C1 – 068.71 và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CA 175319 mang tên Cao Văn L rồi gian dối ký hợp đồng mua bán, thế chấp hoặc ủy quyền cho người khác để vay tiền, cụ thể như sau:

- Vụ thứ 1:

Xe ô tô hiệu Inova, biển số 93A-020.60, có GCNĐK xe ô tô số 005337 đứng tên chủ sở hữu Trần Văn H, sinh năm 1965, trú tại: ấp Quảng Lợi B, xã Tân Lợi, huyện H được ông Cao Xuân S là bố của bị can L mua lại vào năm 2017 nhưng không làm thủ tục sang tên chủ sở hữu [BL: 501-506.T2]. Khoảng tháng 7/2018, L dùng điện thoại chụp ảnh bản photo công chứng GCNĐK xe ô tô số 005337 rồi gửi cho “Trung Tâm Làm Sổ” để thuê làm giả với giá 5 triệu đồng. Sau khi nhận được GCNĐK xe ô tô giả mang tên Cao Văn L đề ngày cấp là 13/7/2018, đến ngày 21/7/2018, L nói dối ông S cho mượn xe ô tô trên với lý do để đi chở khách thuê. Sau khi có được xe ô tô, L chạy đến nhà bà Giang Thị Ngọc H, sinh năm: 1976, trú tại: Tổ 7, khu phố H, phường C, thị xã B thế chấp vay tiền. Sau khi kiểm tra xe và GCNĐK xe ô tô, bà H không phát hiện GCNĐK xe ô tô là giả nên đồng ý cho L vay 180 triệu đồng. Để đảm bảo cho việc vay tiền, L khai do bà H đề nghị nên L và bà H đến Văn phòng Công chứng (VPCC) Vũ Thị L, địa chỉ: số 53 N, phường H, thị xã B ký Hợp đồng ủy quyền số 004117 với nội dung L ủy quyền cho bà H được toàn quyền quản lý, sử dụng xe ô tô 93A – 020.60 trong thời 10 năm. Sau khi ký hợp đồng, do L đề nghị thuê lại xe ô tô trên, thỏa thuận giá thuê là 10 triệu đồng/tháng thì bà H đồng ý, việc thuê xe có lập hợp đồng nhưng bà H đã để thất lạc. Bà H giữ lại GCNĐK xe ô tô giả và giao cho L số tiền 180 triệu đồng

Quá trình điều tra, bà H cho rằng: xe ô tô biển số 93A - 020.60 là do bà H mua với giá 300 triệu đồng chứ không phải nhận thế chấp như L khai để cho L vay tiền 180 triệu đồng. Qua làm việc, bị can L không thừa nhận, đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không thu thập được tài liệu chứng minh lời khai của bà H là đúng

- Vụ thứ 2:

Khoảng tháng 8/2018, L tiếp tục liên hệ thuê “Trung Tâm Làm Sổ” làm giả 01 GCNĐK xe ô tô giả số 005337 với giá 5 triệu đồng. Sau khi nhận được GCNĐK xe ô tô giả đề ngày cấp là 04/6/2016, ngày 27/8/2018 L nói dối ông S cho mượn xe ô tô 93A-020.60 để giải quyết công việc cá nhân thì ông S đồng ý. Sau khi có được xe ô

tô, L chạy đến dịch vụ cầm đồ “Nguyễn Ph”, địa chỉ: số 62 T, tổ 2, khu phố P, phường A, thị xã B cầm cố cho anh Nguyễn Viết D, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp P, xã T, thị xã B. Sau khi kiểm tra xe và GCNĐK xe ô tô, anh D không phát hiện GCNĐK xe ô tô là giả nên đồng ý cho L vay 140 triệu đồng. Để đảm bảo việc trả tiền vay, anh D yêu cầu L đến VPCC Huỳnh Hùng D, địa chỉ: Tổ 1, khu phố P, phường P, thị xã B ký Hợp đồng ủy quyền số 008830, với nội dung L ủy quyền cho anh D được toàn quyền quản lý, sử dụng đối với xe ô tô 93A- 020.60 trong thời hạn 01 năm. Sau khi ký hợp đồng, do L đề nghị thuê lại xe ô tô trên, thỏa thuận giá thuê là 4 triệu đồng/tháng, việc thuê xe có lập hợp đồng nhưng anh D đã để thất lạc. Anh D giữ lại GCNĐK xe ô tô giả và giao cho L số tiền 140 triệu đồng. Vài ngày sau, L tiếp tục hỏi vay thêm số tiền 10 triệu đồng, do đang nhận thế chấp xe ô tô trên nên anh D đồng ý và thống nhất tổng số nợ là 150 triệu đồng

- Vụ thứ 3:

Khoảng tháng 9/2018, L liên hệ thuê “Trung Tâm Làm Sổ” làm giả 01 GCNĐK xe ô tô giả số 005337 với giá 5 triệu đồng. Sau khi nhận được GCNĐK xe ô tô giả đề ngày cấp 04/6/2016. Đến ngày 17/9/2018 L tiếp tục nói dối ông S mượn xe ô tô trên để đi công việc cá nhân, sau đó L chạy xe ô tô trên đến thế chấp cho dịch vụ cầm đồ “HQ”, địa chỉ: số 325 N, phường A, thị xã B do ông Võ Anh V, sinh năm: 1975, địa chỉ: thôn P, xã B, huyện P trực tiếp quản lý, kinh doanh để vay tiền. Sau khi kiểm tra xe và GCNĐK xe ô tô biển số 93A – 020.60, ông V không phát hiện GCNĐK xe ô tô là giả nên đồng ý cho L vay 200 triệu đồng. Để đảm bảo việc L trả nợ, do ông V yêu cầu nên L đã đến VPCC Huỳnh Hùng D ở thị xã B ký Hợp đồng mua bán xe số 009338. Sau khi ký hợp đồng, L đề nghị cho thuê lại xe ô tô trên với giá 228 nghìn đồng/ngày thì ông V đồng ý. Sau đó, ông V giữ lại GCNĐK xe ô tô giả và giao cho L số tiền 200 triệu đồng, đồng thời lấy trước 2.280.000 đồng/10 ngày tiền thuê xe.

- Vụ thứ 4:

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead 93C1-068.71 thuộc quyền sở hữu của bạn gái L là chị Vũ Thị Thảo Ng, sinh năm: 1989, địa chỉ: thị trấn T, huyện H. Khoảng tháng 10/2018, L dùng điện thoại chụp ảnh biển số, số khung và số máy của xe mô tô trên rồi gửi cho “Trung Tâm Làm Sổ” để thuê làm giả 01 GCNĐK xe mô tô, xe máy giả số 021290 với giá 2 triệu đồng. Sau khi nhận được GCNĐK xe ô tô giả đề ngày cấp 11/7/2015, ngày 16/10/2018 L mượn xe mô tô 93C1- 068.71 từ chị Ng và nói dối đi công việc thì chị Ng đồng ý. Sau khi có được xe, L chạy đến thế chấp cho dịch vụ cầm đồ “HQ” để vay tiền. Sau khi kiểm tra xe và GCNĐK xe mô tô, ông V không phát hiện GCNĐK xe mô tô là giả nên đồng ý cho L vay 20 triệu đồng. Để đảm bảo việc L trả tiền, do ông V yêu cầu nên L đến Văn phòng Công chứng Huỳnh Hùng D ký hợp đồng mua bán xe số 010166. Sau khi ký hợp đồng, L đề nghị cho thuê lại xe mô tô trên với giá 80 nghìn đồng/ngày thì ông V đồng ý. Sau đó, ông V giữ lại GCNĐK xe mô tô giả, giao cho L số tiền 20 triệu đồng, đồng thời lấy trước 800 nghìn đồng/10 ngày tiền thuê xe.

- Vụ thứ 5:

Khoảng tháng 10/2018, L tiếp tục liên hệ, thuê “Trung Tâm Làm Sổ” làm giả 01 GCNĐK đối với xe mô tô trên có số 021290 và đề ngày cấp là 11/7/2015 với giá 2 triệu đồng. Sau khi nhận được GCNĐK xe mô tô giả, ngày 18/10/2018 L mượn xe

mô tô 93C1- 068.71 từ chị Ng và nói dối đi công việc thì chị Ng đồng ý. Sau khi có được xe mô tô trên, L chạy đến thế chấp cho dịch vụ cầm đồ G Bình Phước, địa chỉ: ấp 3A, xã M, huyện C do anh Lâm Quốc B, sinh năm: 1983, địa chỉ: ấp 8, xã M, huyện C trực tiếp quản lý, kinh doanh để vay tiền. Sau khi kiểm tra xe và GCNĐK xe mô tô, anh B không phát hiện GCNĐK xe mô tô là giả nên đồng ý cho L vay 13 triệu đồng. Để đảm bảo việc L trả tiền, do anh B yêu cầu nên L đã đến Văn phòng Công chứng G, địa chỉ: số 332 Quốc lộ 14, khu phố T, thị trấn C, huyện C ký hợp đồng mua bán xe số 00008816. Sau khi ký hợp đồng, L thuê lại xe ô tô với giá 39 nghìn đồng/ngày thì anh B đồng ý. Sau đó, anh B giữ lại GCNĐK xe mô tô giả và giao cho L số tiền 13 triệu đồng.

- Vụ thứ 6:

Khoảng tháng 10/2018, L tiếp tục liên hệ, thuê “Trung Tâm Làm Sô” làm giả 01 GCNĐK xe ô tô giả đối với xe ô tô trên có số: 005337, đề ngày cấp là 04/6/2016 với giá 5 triệu đồng. Sau khi nhận được GCNĐK xe ô tô giả, ngày 29/10/2018 L tiếp tục nói dối ông S cho mượn xe ô tô đi công việc thì ông S đồng ý. Sau khi có được xe L chạy đến thế chấp cho dịch vụ cầm đồ G Bình Phước, địa chỉ: ấp 3A, xã M, huyện C. Sau khi kiểm tra xe và GCNĐK xe ô tô, anh B không phát hiện GCNĐK xe ô tô là giả nên đồng ý cho L vay 47 triệu đồng. Để đảm bảo việc L trả tiền, do anh B yêu cầu nên L đã đến Văn phòng Công chứng G ký hợp đồng mua bán xe số 00009039. Sau khi ký hợp đồng, L đề nghị thuê lại xe ô tô với giá 120 nghìn đồng/ngày thì anh B đồng ý. Sau đó, anh B giữ lại GCNĐK xe ô tô và giao cho L số tiền 47 triệu đồng.

- Vụ thứ 7:

Khoảng cuối tháng 10/2018, L dùng điện thoại chụp hình bản phôi GCNQSDĐ số CA 175319, đối với lô đất tích 33.925m², vị trí đất: xã T, huyện H của gia đình do mẹ của L là bà Phạm Thị H, sinh năm 1962 đứng tên quyền sử dụng đất rồi gửi cho “Trung Tâm Làm Sô” để thuê làm giả GCNQSDĐ khác mang tên Cao Văn L, đề ngày cấp là 24/8/2013 với giá 15 triệu đồng.

Ngày 06/11/2018, L đem GCNQSDĐ giả trên đến gặp anh Bùi Thế D, sinh năm 1987, địa chỉ: Tổ 1, khu phố X, phường C, thị xã B để vay số tiền 200 triệu đồng. Sau khi xem GCNQSDĐ xong, anh D không phát hiện GCNQSDĐ là giả nên đồng ý nhận thế chấp cho L vay tiền. Để đảm bảo việc L trả tiền, do anh D yêu cầu nên L đã đến VPCC Huỳnh Hùng D ký hợp đồng ủy quyền số 010718, với nội dung ủy quyền cho anh D được toàn quyền quản lý, sử dụng GCNQSDĐ trong thời hạn 05 năm. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền, anh D đưa trước cho L 75 triệu đồng. Sau khi được L dẫn đi xem đất, anh D tiếp tục đưa cho L số tiền 125 triệu đồng còn lại. Tổng là 200 triệu đồng.

- Vụ thứ 8:

Đầu tháng 11/2018, L tiếp tục liên hệ thuê “Trung Tâm Làm Sô” làm giả 01 GCNQSDĐ có số CA 175319 với giá 15 triệu đồng. Đến ngày 14/11/2018, sau khi nhận được GCNQSDĐ giả có số CA 175319, L đến VPCC Huỳnh Hùng D để chứng thực sao y thì bị nhân viên VPCC Huỳnh Hùng D nghi ngờ là giả nên L lấy lại và xé bỏ GCNQSDĐ này. Sau đó, L nhắn tin yêu cầu “Trung Tâm Làm Sô” làm lại GCNQSDĐ khác màu đậm hơn gửi lại cho L. Sau khi nhận được GCNQSDĐ giả, ngày 01/12/2018 L đem đến thế chấp tại dịch vụ cầm đồ “HQ”. Sau khi xem sổ, anh

Lê Ngọc Đ; sinh năm 1997; HKTT: kp P, phường A, thị xã B là người được ông V giao quản lý cơ sở dịch vụ cầm đồ “HQ” không phát hiện là giấy giả nên đồng ý nhận thế chấp cho vay số tiền 30 triệu đồng.

Đến ngày 01/12/2018, với ý định chuộc GCNQSDĐ giả đang thế chấp tại dịch vụ cầm đồ “HQ” để thế chấp cho anh Phan Văn T, sinh năm: 1991, địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã Đ, huyện H để vay số tiền lớn hơn, L gửi hình ảnh GCNQSDĐ giả số CA 175319 cho anh T và nói cho anh T biết GCNQSDĐ đang thế chấp tại dịch vụ cầm đồ “HQ” vay 30 triệu đồng. Anh T đồng ý cho L vay số tiền 150 triệu đồng với điều kiện L phải ký hợp đồng ủy quyền GCNQSDĐ số CA 175319 cho T. Khoảng 13 giờ ngày 03/12/2018, anh T đưa cho L trước 30 triệu đồng và cùng với L đến dịch vụ cầm đồ “HQ” để chuộc GCNQSDĐ. Sau khi chuộc GCNQSDĐ, L cùng với anh T đến VPCC Huỳnh Thanh T, địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện H để ký Hợp đồng ủy quyền thì bị VPCC phát hiện GCNQSDĐ ký ủy quyền là giả và báo Công an huyện H biết, thụ lý. Từ đây, những người nhận thế chấp, ủy quyền các giấy tờ của L tại thị xã Bình Long phát hiện giấy tờ L thế chấp là giả nên tìm đến nhà L để đòi lại tiền. Cao Văn L đã vận động bố mẹ thế chấp GCNQSDĐ của gia đình vay ngân hàng để trả tiền và lấy lại giấy tờ giả đã thế chấp. Ngày 25/01/2019, khi Cao Văn L đang làm thủ tục hủy bỏ hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Hùng D thì bị Công an thị xã Bình Long bắt quả tang.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật**

- Đối với các giấy tờ đã thu giữ: 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 021290 do Công an huyện H cấp ngày 11/7/2015 đối với xe mô tô biển số: 93C1 – 068.71, nhãn hiệu: Honda – Lead, mang tên: Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả; 03 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005337 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/6/2016 đối với xe ô tô biển số: 93A – 020.60, nhãn hiệu: Toyota – Inova, mang tên: Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả ; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005337 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/7/2018 đối với xe ô tô biển số: 93A – 020.60, nhãn hiệu: Toyota – Inova, mang tên: Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 175319, do UBND huyện H cấp ngày 24/8/2013 mang tên Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả

- Đối với các vật chứng đã thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model 105, imei 359972/05/46/7387/3 + 01 thẻ sim Viettel mã số 8984048000041651177; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu vàng, model 2PS6400 HTC2PS64; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, model Galaxy Note 5, imei 353876072897016; 01 xe mô tô biển số: 47L6 – 5552, nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, số khung: RLCJ2S0106Y028543, số máy: 2S01028543.

Kết luận giám định:

- Kết luận giám định số 10/2019/GĐ-TL ngày 12/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: GCNQSDĐ số CA 175319 đề ngày cấp là 24/8/2013, mang tên Cao Văn L là giả; 02 GCNĐK xe ô tô số 005337, biển số đăng ký 93A -020.60 đề ngày cấp là 04/6/2016, ghi tên chủ xe Cao Văn L là giả; GCNĐK xe ô tô số 005337, biển số đăng ký 93A -020.60, đề ngày cấp là 13/7/2018, ghi tên chủ xe Cao Văn L là giả.

- Kết luận giám định số 19/2019/GĐ-TL ngày 17/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: GCNQSDĐ số CA 175319, đề ngày cấp là 24/8/2013 mang tên Cao Văn L là giả.

- Kết luận giám định số 20/2019/GĐ-TL ngày 24/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: GCNĐK xe mô tô, xe máy số 021290, biển số đăng ký 93C1 - 068.71, đề ngày cấp là ngày 11/7/2015, tên chủ xe: Cao Văn L là giả.

- Tại Kết luận giám định số 59/2019/GĐ-KTHS ngày 31/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: chữ ký, chữ viết trên “Biên nhận vay tiền” đề ngày 10/11/2018 và “Biên nhận vay tiền” đề ngày 06/11/2018 là do Cao Văn L viết và ký tên.

- Kết luận giám định số 51/2021/GĐ-TL ngày 06/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 021290 do Công an huyện H cấp ngày 11/7/2015 đối với xe mô tô biển kiểm soát 93C1 – 068.71; nhãn hiệu: Honda - Lead; chủ xe tên Cao Văn L là giả; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005337 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/6/2016 đối với xe ô tô biển kiểm soát 93A – 020.60; nhãn hiệu: Toyota - Inova; tên chủ xe: Cao Văn L là giả.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-P2 ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Cao Văn L về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 3 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Cao Văn L 03 đến 04 năm tù đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, xử phạt bị cáo Cao Văn L 07 đến 08 năm tù “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt từ 10 đến 12 năm tù. Về trách nhiệm dân sự ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với đại diện Viện Kiểm sát về phần tội danh và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Cao Văn L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố đối với bị cáo. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai những người làm chứng đồng thời phù hợp với bản kết luận giám định, bản kết luận định giá tài sản cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2018, L đã nhắn tin với các tài khoản Zalo “Dịch vụ giấy tờ”, “Trung tâm làm sổ” vào tài khoản facebook “T” của Trương Quốc Dũng để thuê làm giả 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản mang tên Cao Văn L nhằm chứng minh mình là chủ sở hữu, chủ sử dụng hợp pháp các giấy chứng nhận và tài sản. Sau khi có được các giấy chứng nhận giả bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối ký hợp đồng mua bán, hợp đồng thế chấp, hợp đồng ủy quyền cho các bị hại để các bị hại tin tưởng là thật, từ đó đồng ý nhận thế chấp cho bị cáo vay tiền nhằm chiếm đoạt tài sản. Cụ thể bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại: Bà Giang Thị Ngọc H số tiền 180.000.000 đồng, anh Nguyễn Viết D số tiền 150.000.000 đồng, ông Võ Anh V số tiền 375.000.000 đồng, anh Lâm Quốc B số tiền 60.000.000 đồng, anh Bùi Thế D số tiền 75.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo L đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền 840.000.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên nhận thức được hành vi sử dụng giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức, cá nhân là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo Cao Văn L có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 3 Điều 341 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi nêu trên của bị cáo Cao Văn L là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo

vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương đồng thời gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Cao Văn L về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 3 Điều 341 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu riêng về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của đơn vị, tổ chức liên quan, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại, các bị hại cũng có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, gia đình bị cáo có người thân là ông Cao Xuân H có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật là phù hợp.

[5] Về hành vi của những người liên quan:

Anh Nguyễn Viết D: Cho L vay số tiền 60 triệu đồng, việc vay tiền không có tài sản thế chấp, không có cơ sở chứng minh L đã đưa thông tin gian dối làm cho anh D tin mà cho vay và hiện nay L đã trả hết số nợ này. Nhận thấy, khoản vay 60 triệu đồng này chỉ là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm hình sự nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi tham gia đánh bạc (cá độ bóng đá) trên mạng internet, Cao Văn L khai đăng ký, sử dụng tài khoản cá nhân “Cao L” để tham gia đánh bạc trên trang 12.bet. Tuy nhiên, Cao Văn L không còn nhớ mã (password) đăng nhập. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã có văn bản đề nghị Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Bộ Công an kiểm tra xác minh

nhưng đến nay chưa có kết quả. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an đã tỉnh tách ra, tiếp tục xác minh, khi có đủ cơ sở sẽ xem xét xử lý nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của đối tượng Trương Quốc D và Trần Quốc B: Qua điều tra xác định, Cao Văn L thuê “Trung Tâm Làm Sổ” và tài khoản facebook “T” của Trương Quốc D số điện thoại đăng nhập: 0909.004.330 để thuê làm giả giấy tờ. Cao Văn L đặt cọc và trả tiền thuê làm giả giấy tờ vào tài khoản số 060189527112 mở tại Ngân hàng Sacombank phòng giao dịch A – chi nhánh quận T do Trương Quốc D sinh năm 1994, địa chỉ thường trú: 1113A H, phường 11, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ liên lạc: 689 A, phường 14, quận T, thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ tài khoản; tài khoản số 0331000486192 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – B, phường 13, quận T, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ tài khoản. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước đã yêu cầu Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao – Bộ Công an tra cứu thông tin chủ sở hữu các tài khoản trên nhưng không có cơ sở xác định chủ sở hữu. Ngoài ra, qua xác minh tại phường 13, quận T, thành phố Hồ Chí Minh xác định không có đối tượng Trần Quốc B. Xác minh tại phường 11, Quận 3 và phường 6, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh xác định không có đối tượng Trương Quốc D. Do đó, không có cơ sở để xử lý hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Đối với việc Cao Văn L khai bà Giang Thị Ngọc H, anh Nguyễn Viết D, ông Võ Anh V, anh Lâm Quốc B, anh Phan Văn T cho vay với lãi suất cao (3.000đ/triệu/ngày tương đương 09%/tháng). Quá trình điều tra, L không cung cấp được tài liệu chứng minh, đồng thời những người cho L vay tiền nêu trên không thừa nhận, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu thập được tài liệu chứng minh lời khai của L là đúng nên không có cơ sở để xem xét xử lý về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

Đối với hành vi của bà Phạm Thị H và ông Cao Xuân S: qua điều tra xác định bà H và ông S biết sự việc L sử dụng giấy tờ giả để thế chấp vay tiền sau khi đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện H phát hiện điều tra về hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay tiền của Cao Văn L. Sau đó, bà H và ông S đã vay ngân hàng số tiền 1 tỷ 300 triệu đồng vào ngày 25/01/2019 để trả cho những người mà L vay tiền nhằm giúp L khắc phục hậu quả. Nhận thấy, hành vi của bà H và ông S không có dấu hiệu của tội không tố giác hay che giấu tội phạm;

Đối với việc Văn phòng công chứng Huỳnh Hùng D thiếu kiểm tra dẫn đến việc công chứng hợp đồng mua bán xe ô tô 93A - 020.60 giữa Cao Văn L với anh Võ Anh V trong khi Hợp đồng ủy quyền xe ô tô 93A - 020.60 trước đó giữa Cao Văn L với ông Nguyễn Viết D chưa được công chứng hủy bỏ ủy quyền. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT không thu thập được tài liệu chứng minh có vai trò đồng phạm giúp sức cho L nên không xem xét xử lý.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Lưu hồ sơ vụ án: 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 021290 do Công an huyện H cấp ngày 11/7/2015 đối với xe mô tô biển số: 93C1 – 068.71, nhãn hiệu: Honda – Lead, mang tên: Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả;

03 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005337 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/6/2016 đối với xe ô tô biển số: 93A – 020.60, nhãn hiệu: Toyota – Inova, mang tên: Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005337 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/7/2018 đối với xe ô tô biển số: 93A – 020.60, nhãn hiệu: Toyota – Inova, mang tên: Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 175319, do UBND huyện H cấp ngày 24/8/2013 mang tên Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả.

- Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model 105, imei 359972/05/46/7387/3 + 01 thẻ sim Viettel mã số 8984048000041651177; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu vàng, model 2PS6400 HTC2PS64; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, model Galaxy Note 5, imei 353876072897016; 01 xe mô tô biển số: 47L6 – 5552, nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, số khung: RLCJ2S0106Y028543, số máy: 2S01028543. Đây là các vật chứng mà bị cáo L dùng để liên lạc, dùng làm phương tiện đi lại trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bà Giang Thị Ngọc H, ông Nguyễn Việt D, ông Võ Anh V, ông Lê Văn Duy và ông Phan Văn T. Đối với anh Lâm Quốc B, bị can L đã tác động gia đình trả được 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*), số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) còn lại, anh B đồng ý để bà Hiệu thay L trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) và 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) tiền lãi của 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) cho đến khi hết nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của bị cáo và bị hại.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[9] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Cao Văn L phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Cao Văn L **03 (ba) năm tù.**

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm

2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Cao Văn L **07 (bảy) năm tù.**

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt **10 (mười) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 02 năm 2021, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 25 tháng 01 năm 2019 đến ngày 24 tháng 4 năm 2019.

3. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Lưu hồ sơ vụ án: 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 021290 do Công an huyện H cấp ngày 11/7/2015 đối với xe mô tô biển số: 93C1 – 068.71, nhãn hiệu: Honda – Lead, mang tên: Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả; 03 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005337 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/6/2016 đối với xe ô tô biển số: 93A – 020.60, nhãn hiệu: Toyota – Inova, mang tên: Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005337 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/7/2018 đối với xe ô tô biển số: 93A – 020.60, nhãn hiệu: Toyota – Inova, mang tên: Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 175319, do UBND huyện H cấp ngày 24/8/2013 mang tên Cao Văn L, qua giám định xác định là giấy giả.

- Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model 105; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu vàng, model 2PS6400 HTC2PS64; 01 bì niêm phong ghi ĐT Samsung; 01 xe mô tô biển số: 47L6 – 5552, nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, số khung: RLCJ2S0106Y028543, số máy: 2S01028543 (kèm theo cả vệt phô tô của xe).

(Các vật chứng trên theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0000211, quyển số 0005 giữa Công an tỉnh Bình Phước và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước ngày 14/12/2021)

4. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Cao Xuân S, bà Phạm Thị H, bị cáo và bị hại Lâm Quốc B. Buộc ông Cao Xuân S và bà Phạm Thị H trả nợ số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) cho anh Lâm Quốc B bằng hình thức trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền lãi của 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đối với số tiền mà ông Cao Xuân S và bà Phạm Thị H đã khắc phục cho bị cáo thì ông Cao Xuân S và bà Phạm Thị H không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Cao Văn L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- CQĐT, PV06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Trại giam Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thư